

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22-01-2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thường;

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Mai T, sinh năm 1995 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ D, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Tổ A, ấp C, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Công T1, sinh năm 1989 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội PMTN (Đ), khu B, phân trại số A – Trại Giam P - Cục C - Bộ C1. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 20/9/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Mai T trình bày: Bà Trần Mai T và ông Bùi Công

T1 tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Nay bà Trần Mai T yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Công T1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Trần Băng T2, sinh ngày 27/8/2018 hiện đang sống với bà Trần Mai T. Khi ly hôn con chung bà Trần Mai T yêu cầu được nuôi không yêu cầu ông Bùi Công T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai bị đơn ông Bùi Công T1 trình bày: Ông Bùi Công T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Mai T; Về con chung: Ông Bùi Công T1 đồng ý để bà Trần Mai T nuôi cháu Bùi Trần Băng T2, sinh ngày 27/8/2018, ông Bùi Công T1 không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, bà Trần Mai T yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Công T1. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Xét thấy bà Trần Mai T và ông Bùi Công T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Mai T và ông Bùi Công T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Mai T và ông Bùi Công T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 21/02/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Trần Mai T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Ông Bùi Công T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Mai T nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Mai T và ông Bùi Công T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Mai T.

[4] Về con chung: Bà Trần Mai T và ông Bùi Công T1 thống nhất có 01 con chung tên Bùi Trần Băng T2, sinh ngày 27/8/2018, hiện con chung đang sống với bà Trần Mai T. Khi ly hôn con chung bà Trần Mai T yêu cầu được nuôi cháu Bùi Trần Băng T2, ông Bùi Công T1 cũng đồng ý để bà Trần Mai T nuôi cháu Bùi Trần Băng T2. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Mai T về việc bà Trần Mai T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Trần Băng T2.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Mai T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Mai T và ông Bùi Công T1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Trần Mai T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Mai T được ly hôn với ông Bùi Công T1;
2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Trần Băng T2, sinh ngày 27/8/2018 cho bà Trần Mai T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Bùi Công T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Trần Mai T không yêu cầu.

Ông Bùi Công T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Bà Trần Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003645 ngày

28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã Long Đức;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Thúy